

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 497/2023/DS-PT
Ngày 19-12-2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
về lỗi đi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Mai

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng
Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 329/2023/TLPT-DS ngày 05/10/2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất về lỗi đi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 370/2023/QĐPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970; địa chỉ: số 0098A, tổ 2, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Phan Văn S, sinh năm 1949, địa chỉ: số 0097, tổ 2, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Ngọc S1, sinh năm 1954; địa chỉ: số 0096A, tổ 2, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1988, địa chỉ: số 0099A, tổ 2, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1989, địa chỉ: số 0099A, tổ 2, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Bà Phan Thị T1, sinh năm 1975; địa chỉ: số 0097, tổ 2, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: tổ 2, khu phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Bà Phan Thị N1, sinh năm 1979; địa chỉ: số 0096, tổ 2, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Bà Phan Thị Kim T2, sinh năm 1986; địa chỉ: số 0096, tổ 2, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

8. Ông Phan Anh T3, sinh năm 1989; địa chỉ: số 0096, tổ 2, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

9. Bà Nguyễn Thị N2 M, sinh năm 1998; địa chỉ: số 0098A, tổ 2, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

10. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 2000; địa chỉ: số 0098A, tổ 2, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

11. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1951; địa chỉ: tổ 2, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

12. Ủy ban nhân dân thành phố T; địa chỉ: tổ 1, khu phố 2, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn L2 – Trưởng phòng T, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Ngọc S1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Về nguồn gốc: Lối đi tranh chấp có trước năm 1990 do bà N và mẹ ruột là bà Nguyễn Thị N2 (đã chết năm 2010) để đi ra phía sau trồng hoa màu. Đến năm 1990, thì bà S1 mới về ở trên đất (phần đất hiện tại đang sinh sống) phần đất này do bà N2 cho bà S1, khi bà N2 cho bà phần đất thì bà N2 có chừa lại lối đi khoảng 2,5m do nhà bà N2 ở phía sau nhà bà S1.

Đến năm 2011 thì bà S1 và ông S không cho bà N đi trên con đường này, nên bà N đã báo chính quyền địa phương để giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 18/6/2011, thành phần phiên hòa giải có ông Từ Văn H1 là Trưởng khu phố T - chủ trì phiên họp, thành viên gồm:

- + Bà Phạm Thúy N3, Trưởng ban Mặt trận tổ quốc phường T;
- + Bà Nguyễn Thị S3, Phó Trưởng khu phố T (đã chết);
- + Ông Nguyễn Anh T4, Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố;
- + Ông Lê Thiên T5, Tổ trưởng tổ 2, khu phố T;
- + Ông Nguyễn Ngọc S4, Thư ký ghi biên bản.

Theo nội dung biên bản hòa giải bà S1 đồng ý giữ nguyên hiện trạng ranh giới con đường hiện tại bà N đang đi. Ban điều hành áp cùng bà N và bà S1 tiến hành cắm mốc đường mương thoát nước chung giữa nhà bà N và bà S1. Riêng đường nước thải bà N phải phải làm đường thoát nước riêng.

- Sau khi hòa giải bà N đã đặt ống làm đường thoát nước riêng. Bà N sử dụng con đường đi lại ổn định đến năm 2018, khi bà N đặt đường nước sinh hoạt trên con đường bà S1 đã đồng ý cho bà N đi lại từ năm 2011 thì bà S1 ngăn cản không cho bà N đặt đường nước.

Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu bà S1 trả lại con đường là lối đi chung có từ trước năm 1986 có chiều ngang phía giáp đường đất 2,44m; chiều ngang phía giáp đất bà N 2,17m; chiều dài cạnh giáp đất bà S1 17,99m và chiều dài cạnh giáp đất bà L1 (thửa số 57) 18,10m. Tổng diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 38,5m².

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/4/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N yêu cầu:

1. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã T điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H03238 ngày 29/7/2009 đứng tên hộ ông Phan Văn S.
2. Buộc ông Phan Văn S và bà Nguyễn Ngọc S1 phải trả lại diện tích 38,5m² thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 20 tại tổ 2, khu phố T, phường T để làm lối đi chung.
3. Buộc ông Phan Văn S và bà Nguyễn Ngọc S1 chấm dứt hành vi trái pháp luật cản trở việc đi lại cũng như việc lắp đặt đường ống cấp nước đi qua lối đi chung có tranh chấp nêu trên thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 20.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị S1 trình bày:

Nguồn gốc thửa số 71, tờ bản đồ số 20, diện tích 888m² là do cụ Nguyễn Văn M1 để lại cho mẹ bà S1 tên là Nguyễn Thị N2 (bà S1 và bà Nguyễn Thị N là chị em cùng mẹ khác cha). Đến năm 1990 bà N2 cho vợ chồng bà S1, ông S xây dựng nhà trên đất. Năm 1999, vợ chồng bà S1, ông S kê khai đăng ký và được UBND huyện (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00677/QSDĐ/TU ngày 28/12/1999. Sau đó Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H03238 ngày 29/7/2009 đứng tên hộ ông Phan Văn S. Hộ ông Phan Văn S gồm có: Ông Phan Văn S, sinh năm 1949, bà Nguyễn Ngọc S1, sinh năm 1954 và các con là: Phan Thị T1, sinh năm

1975; Phan Văn Đ, sinh năm 1977; Phan Thị N1, sinh năm 1979; Phan Thị Kim T2, sinh năm 1986 và Phan Anh T3, sinh năm 1989.

Lối đi mà nguyên đơn bà Nguyễn Thị N yêu cầu không phải là lối đi chung mà thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 20 của gia đình tôi. Năm 2011, bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị và ngày 18/6/2011 Ban điều hành khu phố T, thị trấn Thái Hoà đã tổ chức hoà giải. Gia đình tôi đồng ý cho bà N được sử dụng lối đi nêu trên nhưng không tách thửa.

Vì vậy, tôi không đồng ý tách thửa theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng tôi không rào lối đi và vẫn đồng ý cho đi nhờ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Ngọc Mai, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1 thống nhất trình bày:

Các đương sự thống nhất ý kiến của bà Nguyễn Thị N. Do bận công việc bà T, bà M, bà L và bà L1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Anh T3 thống nhất trình bày:

Ông T3 thống nhất với lời trình bày của bị đơn. Ông T3 là con của ông S và bà S1, Ông T3 thống nhất để cho bà N và ông T tiếp tục sử dụng lối đi hiện đang tranh chấp. Tuy nhiên, nếu muốn thay đổi hiện trạng hoặc làm đường cấp thoát nước, đường điện, thông tin liên lạc thì phải có sự đồng ý của gia đình Ông T3.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc tranh chấp quyền sử dụng đất về lối đi, cụ thể như sau:

1.1 Buộc hộ ông Phan Văn S gồm ông Phan Văn S, bà Nguyễn Thị S1, ông Phan Văn Đ, bà Phan Thị N1, bà Phan Thị Kim Thỏ, ông Phan Anh T3 mở lối đi qua bất động sản liền kề cho bà Nguyễn Thị N đối với phần đất có diện tích 38,5m² thuộc thửa đất 71 tờ bản đồ 20 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H032338 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T cấp cho hộ ông Phan Văn S ngày 29/7/2009 (ký hiệu A trên sơ đồ bản vẽ). Có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa đất số 57 của bà Nguyễn Thị L1;
- Hướng Tây giáp thửa số 71 của hộ ông Phan Văn S;
- Hướng Nam giáp thửa đất số 118 của bà Nguyễn Thị N;
- Hướng Bắc giáp đường đất.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

1.2. Bà Nguyễn Thị N phải đền bù giá trị quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Văn S số tiền 57.750.000 đồng.

1.3 Các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng hạn chế thửa đất liên kết đối với phần đất nêu trên theo quy định tại Điều 95 Luật Đất đai năm 2013, Điều 73 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 8 năm 2023 bị đơn bà Nguyễn Ngọc S1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tỉnh Bình Dương tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-DS ngày 08/5/2023 (bút lục 152) thể hiện ngày xét xử là ngày 25/5/2023. Tuy nhiên, tại biên bản phiên tòa (bút lục 177) thể hiện phiên tòa được mở vào ngày 25/4/2023 và bản án sơ thẩm xác định ngày xử sơ thẩm là *ngày 13 và 19 tháng 6 năm 2023* (bút lục 182). Như vậy, biên bản phiên tòa và bản án sơ thẩm không phù hợp nhau về mặt thời gian.

+ Tại trang 6 của biên bản phiên tòa (bút lục 175) thể hiện nội dung “*Hội đồng xét xử tuyên bố nghị án kéo dài và sẽ tuyên án vào lúc 09 giờ ngày 16 tháng 6 năm 2023. Phiên tòa tạm ngưng vào lúc 11 giờ 00 phút ngày 13/6/2023*”. Như vậy, Hội đồng xét xử đã nghị án kéo dài 51 ngày (từ ngày 25/4/2023 – 16/6/2023) và trong thời gian nghị án lại tạm ngưng phiên tòa là vi phạm khoản 4 Điều 264 và Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Theo biên bản phiên tòa (bút lục 174) thể hiện: “*Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm tại phiên tòa ngày 16/6/2023*”. Tuy nhiên, biên bản phiên tòa không có nội dung phiên tòa ngày 16/6/2023.

+ Tại đơn khởi kiện ngày 03/8/2020, 13/10/2020 và đơn bổ sung (bút lục 01, 56, 120), bà N có yêu cầu ông S bà S1 chấm dứt hành vi cản trở việc đi lại và lắp đặt đường ống nước đi quan lối đi. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu này là có thiếu sót.

+ Tại trang 6 và trang 7 của bản án sơ thẩm thể hiện: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 để giải quyết vụ án, không áp dụng những quy định của Bộ luật Dân sự là có thiếu sót.

+ Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đất của nguyên đơn không có lối đi nào khác lối đi tranh chấp để ra đường công cộng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ lối đi tranh chấp có phải là lối đi duy nhất và thuận tiện nhất của nguyên đơn để đi ra đường công cộng hay không theo khoản 1 Điều 254 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, chưa đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, kháng cáo của bà S1 là có căn cứ một phần.

Từ những phân tích trên, nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, giải quyết vụ án chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Nguyễn Ngọc S1. Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Phan Văn S, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thanh T, bà Phan Thị T1, ông Phan Văn Đ, bà Phan Thị N1, bà Phan Thị Kim T2, bà Nguyễn Thị N2 M, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố T ông Nguyễn Tấn L2 được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những đương sự này.

[1.2] Tại đơn khởi kiện (bút lục 01) nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông S, bà S1 trả lại (theo đúng hiện trạng từ trước đến nay) lối đi có chiều ngang khoảng 2 mét đi qua thửa đất số 71, tờ bản đồ số 20 với chiều dài là 10 mét (hiện có độ đá mi) làm đường đi chung ra đường tiếp giáp với đường công cộng khu phố T, phường T; buộc ông S, bà S1 chấm dứt hành vi cản trở việc đi lại cũng như việc lắp đặt đường ống nước sạch đi qua lối đi chung này (qua thửa đất số 71, tờ bản đồ số 20) của một số hộ dân trong khu vực.

Tại đơn khởi kiện bổ sung (bút lục 120) nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Thu hồi phần đất thuộc lối đi có diện tích 38,5m² thuộc thửa đất số 71 (cập nhật cạnh phía Tây thửa đất số 71, giáp ranh cạnh phía Đông thửa đất số 57) tờ bản đồ số 20 đã cấp cho hộ ông S, chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00677 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên cấp ngày 28/12/1999 cấp cho hộ ông S để trừ phần diện tích 38,5m² làm đường đi chung ra tiếp giáp với đường công cộng khu phố T, phường T.

- Buộc ông S, bà S1 chấm dứt hành vi cản trở việc đi lại cũng như việc lắp đặt đường ống nước sạch đi qua lối đi chung này (qua thửa đất số 71, tờ bản đồ số 20) của một số hộ dân trong khu vực.

Như vậy, qua nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc hộ ông S, bà S1 trả lại lối đi chung ra tiếp giáp với đường công cộng khu phố T, đồng thời nguyên đơn yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi trái pháp luật cản trở việc đi lại cũng như việc lắp đặt đường ống nước sạch đi qua lối đi chung của các hộ dân trong khu vực. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất về lối đi, đồng thời bản án sơ thẩm chỉ nhận định và quyết định về phần yêu cầu khởi kiện lối đi, không có nhận định và quyết định đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chấm dứt hành vi trái pháp luật cản trở đi lại và lắp đặt đường ống nước sạch là xác định thiếu quan hệ pháp luật tranh chấp và bỏ sót yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cấp phúc thẩm xem xét sẽ không đảm bảo nguyên tắc xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được quy định tại Điều 17 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận lối đi đang tranh chấp có gia đình nguyên đơn và gia đình bà Nguyễn Thị G đang sử dụng, bà G là chị em ruột của nguyên đơn và bị đơn (bà G là chủ sử dụng thửa đất số 70 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03365 QSDĐ/TU ngày 10/12/2033 – bút lục 38); đồng thời xác định bà G và chồng bà G đã chết; bà G có 02 người con trai là ông Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Trung H2 và hiện nay gia đình ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị H (con trai và con dâu bà G) đang sử dụng lối đi chung để ra đường công cộng. Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa ông T, bà H tham gia tố tụng nhưng không đưa ông Hiếu tham gia tố tụng là đưa thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Tại bút lục 152 Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-DS ngày 08/5/2023 của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện phiên Tòa án cấp sơ thẩm được mở vào 07 giờ 30 phút, ngày 25/5/2023. Đến ngày 25/5/2023, với lý do bị đơn bà Nguyễn Ngọc S1, ông Phan Văn S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T1, ông Phan Văn Đ, bà Phan Thị N1, bà Phan Thị Kim T2, ông Phan Anh T3 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-DS và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào 08 giờ 00 phút, ngày 13/6/2023 (bút lục 162). Tuy nhiên, tại bút lục 174-177 biên bản phiên tòa dân sự sơ thẩm thể hiện ngày diễn ra phiên tòa là 09 giờ 00 phút, ngày 25/4/2023. Trang 6 của biên bản phiên tòa dân sự sơ thẩm thể hiện Hội đồng xét xử nghị án kéo dài và sẽ tuyên án vào 09 giờ 00 phút, ngày 16/6/2023 nhưng trong hồ sơ vụ án không có văn bản nào thể hiện Hội đồng xét xử tuyên án vào ngày này. Đồng thời, biên bản phiên tòa dân sự sơ thẩm cũng thể hiện phiên tòa tạm ngừng vào 11 giờ 00 phút, ngày 13/6/2023 nhưng trong hồ sơ vụ án không có quyết định tạm ngừng phiên tòa, biên bản nghị án về việc tạm ngừng phiên tòa. Đến ngày 19/6/2023 Hội đồng xét xử tuyên án nhưng trong nội dung biên bản phiên tòa dân sự sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ không thể hiện lý do tại sao có việc mở

phiên tòa vào ngày 19/6/2023 là còn có thiếu sót, mâu thuẫn về thời gian mở phiên tòa.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại lối đi chung có nguồn gốc của mẹ nguyên đơn là bà N2 và gia đình bà G đi từ năm 1990 đến nay. Các thửa đất liền kề với lối đi đang tranh chấp (thửa 71, 118) có nguồn gốc là của mẹ nguyên đơn. Như vậy, trường hợp này cần xem xét nguồn gốc đất được hình thành như thế nào để xác định lối đi tranh chấp có phải là lối đi chung để chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét nguồn gốc cũng như quá trình sử dụng đất tranh chấp của các bên đương sự nhưng lại nhận định và mở lối đi qua bất động sản liền kề theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật Dân sự là xem xét đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, chưa toàn diện, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[3] Từ những phân tích trên, do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không giải quyết đầy đủ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đưa thiếu người tham gia tố tụng trong vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa đề nghị hủy bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; khoản 3 Điều 308; Điều 310, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ngọc S1.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Ngọc S1 không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 19/12/2023)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND TP Tân Uyên;
- Chi cục THADS TP Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Mai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán Thành viên

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Mai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán Thành viên

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Mai

